

10. PHƯỜNG PHONG DINH

DVT: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I. Các tuyến ven đường giao thông chính							
1	Quốc lộ 49B đoạn qua xã Phong Hòa (cũ)						
	Đoạn từ phía Bắc cầu Phước Tích đến phía Nam cầu Trạch Phồ			300,000	245,000	220,000	-
	Đoạn từ phía Nam cầu Trạch Phồ đến hết ranh giới xã Phong Hòa (cũ)			365,000	325,000	260,000	-
2	Quốc lộ 49B đoạn qua xã Phong Bình (cũ)						
	Đoạn từ Chợ Ưu Diễm về đến cầu Vĩnh An 1			325,000	230,000	195,000	-
	Đoạn từ cầu Vĩnh An 1 đến cầu Vân Trình			255,000	205,000	155,000	-
3	Tỉnh lộ 6 đoạn qua xã Phong Hòa (cũ)			210,000	170,000	140,000	-
4	Tỉnh lộ 6 đoạn qua xã Phong Chương (cũ)						
	Đoạn từ vị trí giao Tỉnh lộ 4 (ngã ba xã) đến cổng Am Bàu			235,000	190,000	160,000	-
	Đoạn từ cổng Am Bàu đến giáp địa giới hành chính xã Phong Hòa (cũ)			205,000	165,000	155,000	-
5	Tỉnh lộ 9: Từ Tỉnh lộ 6 (Tổ Dân phố Đức Phú) đến ranh giới thị trấn Phong Điền (cũ) và xã Phong Hiền (cũ)			210,000	170,000	140,000	-
6	Tỉnh lộ 6B: Từ ranh giới xã Phong Thu (cũ) đến Quốc lộ 49B			210,000	170,000	140,000	-
7	Tỉnh lộ 4 đoạn qua xã Phong Chương (cũ)						
	Đoạn từ giáp xã Phong Bình (cũ) đến đường bê tông vào chùa Chí Long			290,000	235,000	220,000	-
	Đoạn từ đường bê tông vào chùa Chí Long đến Hợp tác xã Nhất Phong			330,000	270,000	225,000	-
	Đoạn từ Hợp tác xã Nhất Phong đến hết giáp ranh giới xã Quảng Thái (cũ)			290,000	235,000	220,000	-
8	Tỉnh lộ 4 đoạn qua xã Phong Bình (cũ)						
	Đoạn từ cầu Mụ Tú (nhà ông Phan Công Ninh) Tổ Dân phố Vĩnh An về đến Nhà văn hóa Tổ Dân phố Triều Quý			305,000	245,000	215,000	-
	Đoạn từ nhà văn hóa Tổ dân phố Triều Quý về đến trạm bơm Bình Chương			250,000	200,000	165,000	-
9	Tỉnh lộ 8C			235,000	190,000	160,000	-
10	Đường Cứu hộ - Cứu nạn nổi dãi: Từ giáp ranh giới xã Phong Hiền (cũ) đến giáp ranh giới xã Điền Lộc (cũ)			205,000	165,000	155,000	-

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
II. Các vùng còn lại							
	Xã Phong Hòa (cũ)						
11	Vùng 1: Các Tổ dân phố: - Mỹ Xuyên – Phước Tích (Phước Phú, Hoà Đức, Đông Thượng cũ); - Ưu Đàm (Tư, Ba Bàu Chợ cũ);			115,000	100,000	-	-
12	Vùng 2: Các Tổ dân phố: - Mỹ Xuyên – Phước Tích (Cang Cư Nam cũ); - Trạch Phổ (Thuận Hoà, Xóm Đình Rộc, Xóm Tây Thuận thuộc Tổ Dân phố Trạch Phổ cũ); - Ưu Đàm (Khu vực Chùa thuộc Tổ Dân phố Chùa Thiềm Thượng cũ);			100,000	90,000	-	-
13	Vùng 3: Các Tổ dân phố: - Ưu Đàm (Niêm, khu vực Thiềm Thượng thuộc Tổ dân phố Chùa Thiềm Thượng cũ); - Mỹ Xuyên – Phước Tích (Trung Cọ-Mê cũ); - Trạch Phổ (xóm Đông An thuộc Tổ Dân phố Trạch Phổ cũ); - Các vị trí còn lại			85,000	-	-	-
	Xã Phong Bình (cũ) và xã Phong Chương (cũ)						
14	Vùng 1: Các Tổ dân phố: - Vĩnh Hoà (Vĩnh An, Xóm Quán Tổ Dân phố Hoà Viện cũ) - Lương Đại: Dọc Tỉnh lộ 4 (thuộc các Tổ dân phố Lương Mai, Đại Phú cũ): từ hết vị trí 3 của đường giao thông chính kéo dài thêm 50m. - Chí Long: Dọc Tỉnh lộ 4 và Tỉnh lộ 6 (thuộc các Tổ Dân phố, Trung Thạnh, Chính An cũ): từ hết vị trí 3 của đường giao thông chính kéo dài thêm 50m. - Phong Phú: Dọc Tỉnh lộ 4 (thuộc các Tổ dân phố Mỹ Phú, Nhất Phong cũ): từ hết vị trí 3 của đường giao thông chính kéo dài thêm 50m			145,000	125,000	-	-

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
15	Vùng 2: Các Tổ dân phố: - Phò Trạch – Siêu Quần (các Tổ dân phố Tả Hữu Tự cũ). - Vân Trình (các Tổ dân phố Tây Phú (Vân Trình cũ), Trung Thạnh, Đông Phú cũ). - Lương Đại (các Tổ Dân phố: Lương Mai, Đại Phú cũ). - Chí Long (các Tổ Dân phố: Trung Thạnh, Chính An cũ). - Phong Phú (các Tổ Dân phố: Mỹ Phú, Nhất Phong, Bàu cũ).			125,000	115,000	-	-
16	Vùng 3: Các Tổ dân phố: - Phò Trạch – Siêu Quần (các Tổ dân phố: Đông Mỹ, Triều Quý, Rú Hóp, Đông Trung Tây Hồ, Tây Phú (Phò Trạch), Siêu Quần cũ). - Vĩnh Hoà (xóm Đình Tổ Dân phố Hoà Viện cũ) - Vân Trình (xóm Tân Bình cũ). - Các vị trí còn lại			85,000	-	-	-